

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long không tham gia phiên tòa

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch G, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Anh T- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai ý kiến cùng ngày 20/10/2025 nguyên đơn ông Thạch G trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị T1 xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2025 thì xảy ra

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng. Ông G xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị T1.

Về con chung: Ông và bà Huỳnh Thị T1 có 03 con chung tên Thạch Giàu Thăng L, sinh năm 1990, Thạch Giàu Thăng Long Q, sinh năm 1992 và Thạch Giàu Thăng Long Thăng T, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thạch G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2025 bị đơn bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày của ông Thạch G về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống bà và ông G xảy ra nhiều mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà đồng ý ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị T1 xác định có 03 con chung như ông G trình bày, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Thạch G và bị đơn bà Huỳnh Thị T1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Anh T trợ giúp viên pháp lý trình bày: Ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 chung sống có 03 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với ông G. Do đó, xét thấy ông G và bà T1 không còn tình cảm vợ chồng như ông G, bà T1 chung sống không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân của ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 là vợ chồng để ông G, bà T1 được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 xác định có 03 con chung tên Thạch Giàu T, sinh năm 1990, Thạch Giàu Thăng Long Q, sinh năm 1992 và Thạch Giàu Thăng Long Thăng T, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên đề nghị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thạch G do ông G thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Thạch G và bị đơn bà Huỳnh Thị T1 vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 sống chung như vợ chồng từ năm 1989, ông G, bà T1 đều xác định không có đăng ký kết hôn. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T) xác nhận ngày 28/3/2025 nội dung như sau: “Qua trích lục sổ lưu kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T không tìm thấy tên ông Thạch G, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1957”. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn ông Thạch G và bị đơn bà Huỳnh Thị T1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 đều xác định có 03 con chung tên Thạch Giàu T, sinh năm 1990, Thạch Giàu Thăng Long Q, sinh năm 1992 và Thạch Giàu Thăng Long Thăng T, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không đề cập xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch G yêu cầu giải quyết về hôn nhân và gia đình nên ông phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông G thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch G.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông Thạch G và bà Huỳnh Thị T1 là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Thạch G do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Nga